

Số: 308 /KH-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ
về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số
giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao, phát triển toàn diện nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số về thể lực, trí lực, tác phong, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, cơ cấu hợp lý, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số có nguồn nhân lực còn hạn chế để từng bước thu hẹp khoảng cách với trình độ chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu thị trường lao động hiện tại và tương lai; xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân, cán bộ người dân tộc thiểu số và lao động trực tiếp có chất lượng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh quốc gia và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nội dung của Nghị quyết đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, nhằm thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 theo Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung công việc được phân công xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn nhằm thực hiện đồng bộ, hiệu quả nội dung Kế hoạch.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nâng cao thể lực

- Tăng cường sức khỏe người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người dân tộc thiểu số đến năm 2020 xuống dưới 9,6%, năm 2030 xuống dưới 8%; trong đó, dân tộc S'tiêng, Khmer, M'ông (là nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp) tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi năm 2020 xuống dưới 9,8% và 2030 xuống dưới 8,3%. Phấn đấu đến năm 2020 nâng tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số lên 73 tuổi, năm 2030 khoảng 75 tuổi.

- Nâng thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số: Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi đến năm 2020 còn 24% và 2030 xuống còn 20%; trong đó ở nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi năm 2020 còn 28% và năm 2030 còn 22%.

2. Phát triển trí lực

- Đến năm 2020, có 25% trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và 75% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học là 97%, trung học cơ sở 93% và 50% người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi gần với mức bình quân của cả nước ở tất cả các cấp học.

- Phấn đấu đến năm 2020, số sinh viên người dân tộc thiểu số (đại học, cao đẳng) đạt từ 130 đến 150 sinh viên/vạn dân (người dân tộc thiểu số), nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực rất thấp đạt tối thiểu 130 sinh viên/vạn dân; năm 2030 đạt từ 200-250 sinh viên/vạn dân.

- Đào tạo sau đại học cho người dân tộc thiểu số, phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ lệ khoảng 0,4%, năm 2030 là 0,7% trong tổng số lao động dân tộc thiểu số đã qua đào tạo, ưu tiên các dân tộc chưa có người ở trình độ sau đại học.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 đạt trên 30%, nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp đạt tối thiểu 25% người; phấn đấu năm 2030 tỷ lệ tương ứng là 50% và trên 45%.

3. Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường

- Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh người dân tộc thiểu số.

- Đến năm 2020, phấn đấu có 50% và năm 2030 đạt 70% số lao động người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.

III. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng: Người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục mở rộng và tăng cường đầu tư hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường, điểm trường, các trường có nhiều học sinh người dân tộc thiểu số theo học trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức liên thông trung học cơ sở và trung học phổ thông tại trường dân tộc nội trú cấp huyện; phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số; ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ, năng lực và đào tạo tăng số lượng giáo viên nhóm người dân tộc thiểu số có chất lượng nguồn nhân lực thấp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục trong vùng đồng bào dân tộc có nhận thức đúng về nạn tảo hôn, cưới hỏi sớm; cưới hỏi, ma chay tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ dân tộc thiểu số nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: Phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú sữa mẹ được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế.



- Trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn: Từ sơ sinh đến 2 tuổi được ưu tiên hỗ trợ để bú sữa mẹ sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh, nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, ăn bổ sung hợp lý từ sau 6 tháng và bú sữa mẹ kéo dài đến 2 tuổi.

- Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên dân tộc thiểu số, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người dân tộc thiểu số trong giai đoạn mang thai.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ dân tộc; đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động, thay đổi hành vi nhằm nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về chăm sóc thai nghén, nguy cơ của việc không khám thai định kỳ và không đến sinh con ở các cơ sở y tế hoặc tự sinh, sinh con không có cán bộ y tế được đào tạo cô đỡ cũng như các nguy cơ của việc đẻ dầy, đẻ nhiều con, đẻ sớm (dưới 20 tuổi) hoặc đẻ muộn (trên 35 tuổi).

- Cải thiện cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, ưu tiên các xã/huyện nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, có đủ khả năng cung cấp gói dịch vụ cấp cứu sản khoa thiết yếu cơ bản/ toàn diện và duy trì hoạt động đơn nguyên sơ sinh.

- Kiện toàn tổ chức và phân công trách nhiệm, nâng cao chất lượng hệ thống triển khai; kiện toàn đội ngũ chuyên trách dinh dưỡng cấp tỉnh, huyện, xã và đội ngũ y tế thôn, ấp cộng tác viên dinh dưỡng, cô đỡ thôn bản.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định chuyên môn, kỹ thuật trong khám thai, đỡ đẻ, nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa.

3. Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm

- Rà soát danh mục nghề đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, văn hóa, của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số.

- Khảo sát, xây dựng đề án vị trí việc làm gắn các chỉ tiêu cử tuyển là sinh viên người dân tộc thiểu số để có kế hoạch bố trí công tác cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường nếu đảm bảo điều kiện theo quy định.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Ban Dân tộc

- Là cơ quan thường trực, có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh chỉ đạo, quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch ở các địa phương; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, kế hoạch vốn, tổng hợp vốn thực hiện Kế hoạch vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp vốn thực hiện Kế hoạch vào kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch.

- Hướng dẫn cơ chế tài chính; giám sát chi tiêu, tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

5. Sở Y tế

- Nâng cao chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực do Sở quản lý theo hướng tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số nhằm đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Đẩy mạnh truyền thông về các nội dung liên quan đến giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số; phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng vùng dân tộc thiểu số.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số; nghiên cứu xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự để khi xuất ngũ về địa phương trở thành nguồn cán bộ tham gia chính quyền cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Tăng cường công tác vận động các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện tốt Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa

ở khu dân cư” gắn với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới” và “Ngày biên phòng toàn dân”; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng thể trận “Biên phòng toàn dân” gắn với thể trận “An ninh nhân dân” vững mạnh và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở và các lực lượng trong đấu tranh ngăn ngừa, phòng chống ma túy, tội phạm và các loại tệ nạn xã hội trên khu vực biên giới.

- Tiếp tục tham gia, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ “Về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020” và “Xây dựng nông thôn mới”, đồng thời tiếp tục thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo bền vững; tích cực tham gia phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân khu vực biên giới.

- Chủ trì phối hợp cùng với các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức “Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới” và Chỉ thị số 47/CT-TU ngày 25/9/2015 của Tỉnh ủy Bình Phước về việc “Tăng cường công tác dân vận, xây dựng vùng biên giới hòa bình, ổn định và phát triển” trong tình hình mới.

10. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phát luật, như: Luật an toàn giao thông...; tuyên truyền, cảnh báo các nguyên nhân gây tai nạn giao thông, những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với toàn xã hội; tổ chức các hoạt động hưởng ứng các ngày lễ, chiến dịch an toàn giao thông định kỳ hàng tháng, hàng năm.

- Tăng cường thông tin phản ánh, phát hiện nhu cầu cần làm cầu, đường qua sông suối để giải quyết vấn đề giao thông ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi vùng An toàn khu, vùng đặc biệt khó khăn.

11. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nội dung phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được các mục tiêu của Kế hoạch.

12. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong tình hình mới và

các chính sách liên quan để sử dụng hiệu quả nhân lực các dân tộc thiểu số đã qua đào tạo.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển ra trường chưa có việc làm.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh tham gia triển khai các nhiệm vụ, hoạt động nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số, góp phần đạt được mục tiêu của Kế hoạch.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của kế hoạch này, nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết việc làm để phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của địa phương; hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, UBND các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch ngắn hạn (hàng năm), dài hạn, lập dự toán kinh phí của đơn vị để thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/11) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc để tổng hợp)/.

Nơi nhận:

- VPCP;
- UBNDT;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT(Ng.KH02.15.12.16).

